

CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision



Local Expertise
International Presence

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpvietnam.vn
www.cpvietnam.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Hà Nội - Tháng 02 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 11/2004/BXD ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Theo quyết định số 1190/QĐ - BXD ngày 26 tháng 9 năm 2014 và Quyết định số 1526/QĐ - BXD ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 04/11/2020.

Vốn điều lệ theo Đăng ký Doanh nghiệp lần thứ 07 ngày 04/11/2020 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 5.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Union Of Surver Construction Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt: USCO.

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã USC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Văn Định	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Thành viên
Bà Trần Linh Trang	Thành viên
Ông Trần Mạnh Long	Thành viên
Ông Trần Ngọc Sang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Lương Ngọc Sang	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Minh Thúy	Thành viên
Bà Lê Thị Chuyền	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Thoáng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Sang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN DỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Trọng Thoáng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Số: 73/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc bị lỗi. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		185.884.999.466	195.944.983.423
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.275.280.455	4.249.933.225
1. Tiền	111		5.939.464.813	3.914.117.583
2. Các khoản tương đương tiền	112		335.815.642	335.815.642
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.999.626.272	101.586.895.599
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	46.555.202.633	54.390.559.909
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	7.794.270.181	11.548.207.658
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	36.650.153.458	35.648.128.032
IV. Hàng tồn kho	140		50.016.680.048	62.405.706.501
1. Hàng tồn kho	141	5.5	50.016.680.048	62.405.706.501
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		38.593.412.691	27.702.448.098
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	1.475.981.692	1.820.546.838
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.973.440.678	25.832.728.021
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	143.990.321	49.173.239
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		37.418.270.670	39.129.159.409
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		100.000.000	100.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	100.000.000	100.000.000
II. Tài sản cố định	220		10.997.865.216	12.054.381.277
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	9.941.480.416	10.997.996.477
- Nguyên giá	222		61.067.436.275	60.996.436.275
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.125.955.859)	(49.998.439.798)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.056.384.800	1.056.384.800
- Nguyên giá	228		1.056.384.800	1.056.384.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		40.615.000	40.615.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		40.615.000	40.615.000
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	20.375.000.000	20.375.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.000.000.000	20.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		375.000.000	375.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.904.790.454	6.559.163.132
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	5.904.790.454	6.559.163.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		223.303.270.136	235.074.142.832

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		164.206.494.453	175.771.372.427
I. Nợ ngắn hạn	310		144.206.494.453	155.771.372.427
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	26.626.358.310	19.220.221.873
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	38.132.175.387	61.522.800.330
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	3.351.225.913	3.330.833.464
4. Phải trả người lao động	314		6.324.784.223	2.459.761.163
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	12.890.802.815	9.086.307.966
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		385.058.171	331.643.637
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	46.469.231.156	46.200.493.869
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	9.553.775.156	13.008.620.120
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		473.083.322	610.690.005
II. Nợ dài hạn	330		20.000.000.000	20.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	20.000.000.000	20.000.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		59.096.775.683	59.302.770.405
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	59.096.775.683	59.302.770.405
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		55.000.000.000	55.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.979.507.497	1.979.507.497
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.117.268.186	2.323.262.908
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.117.268.186	2.323.262.908
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		223.303.270.136	235.074.142.832

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Người lập



Triệu Thị Giang

Kế toán trưởng



Vũ Thị Thanh Huyền

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thoáng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	151.172.797.388	140.898.561.035
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		151.172.797.388	140.898.561.035
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	130.554.322.058	124.075.600.089
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		20.618.475.330	16.822.960.946
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.913.144	40.640.500
7. Chi phí tài chính	22	6.4	436.138.494	242.817.669
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		436.138.494	242.817.669
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	17.075.511.766	13.681.272.469
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		3.110.738.214	2.939.511.308
11. Thu nhập khác	31	6.6	3.623.784.080	568.833.452
12. Chi phí khác	32	6.6	3.983.721.553	763.215.110
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(359.937.473)	(194.381.658)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.750.800.741	2.745.129.650
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	633.532.555	421.866.742
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		2.117.268.186	2.323.262.908
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	384,96	350,00

Người lập

Triệu Thị Giang

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Thoáng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.750.800.741	2.745.129.650
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BDS đầu tư	02		1.127.516.061	1.038.221.834
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.913.144)	(40.640.500)
- Chi phí lãi vay	06		436.138.494	242.817.669
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		4.310.542.152	3.985.528.653
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.799.668.167)	5.249.159.271
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.389.026.453	(1.053.440.827)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.001.912.026)	(12.944.924.852)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		998.937.824	1.528.003.496
- Tiền lãi vay đã trả	14		(436.138.494)	(242.817.669)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(505.255.635)	(660.168.481)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.151.407.755	3.280.756.175
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.357.482.892)	(3.221.376.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.749.456.970	(4.079.280.409)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(71.000.000)	(197.500.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.913.144	40.640.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(67.086.856)	(156.859.500)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ di vay	33		5.812.184.218	16.668.382.391
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.267.029.182)	(13.612.187.280)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(202.177.920)	(1.301.371.707)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.657.022.884)	1.754.823.404
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		2.025.347.230	(2.481.316.505)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.249.933.225	6.731.249.730
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	5.1	6.275.280.455	4.249.933.225

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Người lập

Triệu Thị Giang

Triệu Thị Giang

Kế toán trưởng

Vũ Thị Thanh Huyền

Vũ Thị Thanh Huyền



Nguyễn Trọng Thoáng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty TNHH Một thành viên theo Quyết định số 11/2004/BXD ngày 11 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Theo quyết định số 1190/QĐ - BXD ngày 26 tháng 9 năm 2014 và Quyết định số 1526/QĐ - BXD ngày 23 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100107123 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 04/11/2020.

Vốn điều lệ theo Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 04/11/2020 là 55.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi lăm tỷ đồng*), được chia thành 5.500.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là: 10.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Union Of Survey Construction Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt: USCO.,

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên sàn UpCOM với mã USC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 175 người, tại ngày 01/01/2022 là 196 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Thiết kế công trình khai thác mỏ lộ thiên;
- Thiết kế, lập tổng dự toán và giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, công trình kỹ thuật hạ tầng, thiết kế quy hoạch chi tiết khu công nghiệp, dân cư;
- Lập và quản lý các dự án đầu tư xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình kỹ thuật hạ tầng;
- Đo đạc, thành lập bản đồ địa hình, đo đạc công trình, đo đạc địa chính;
- Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các công trình thoát nước và xử lý nước thải;
- Thí nghiệm mẫu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng;
- Thăm dò và khai thác khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Gia công, sửa chữa thiết bị vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Sản xuất vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Kinh doanh vật tư chuyên ngành khảo sát, xây dựng;
- Đầu tư xây dựng và quản lý kinh doanh khai thác bến bãi đỗ xe;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Phá dỡ gồm phá hủy hoặc đập các tòa nhà và các công trình khác;
- Làm sạch mặt bằng xây dựng;
- Vận chuyển đất: Đào, lấp, sang mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn, thăm dò tài nguyên làm vật liệu xây dựng, thí nghiệm và xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc, trực thuộc Công ty như sau:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại miền Trung;
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco - Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng miền Nam;
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Khảo sát và Xây dựng - USCO tại T.p Hồ Chí Minh;
4. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát và Xử lý nền móng;
5. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát Do đạc và Xây dựng;
6. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát địa chất và Xây dựng;
7. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Xí nghiệp Khảo sát và Đầu tư Xây dựng;
8. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hà Nội;
9. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định Xây dựng Hải Phòng;
10. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng Quảng Ngãi;
11. Chi nhánh Công ty Cổ phần khảo sát và xây dựng Usco-Trung tâm Thí nghiệm và Kiểm định xây dựng miền Trung.

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 2 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước về giá trị cho thuê cửa hàng, quầy hàng khách hàng trả trước tiền thuê; Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu, hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu và các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ và giá vốn hoạt động xây lắp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu là chi phí đi vay vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, thuế khác**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là tư vấn khảo sát, xây dựng và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	562.927.724	1.047.776.792
Tiền gửi ngân hàng	5.376.537.089	2.866.340.791
Các khoản tương đương tiền	335.815.642	335.815.642
<i>Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng</i>	<i>335.815.642</i>	<i>335.815.642</i>
Tổng	6.275.280.455	4.249.933.225

Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng là tiền gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3% đến 3,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2. Phải thu của khách hàng

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần AT	6.345.689.000	6.345.689.000
Công ty TNHH MTV đầu tư XD Hoàng Dân	1.172.157.000	2.172.157.000
Phòng Quản lý đô thị TP Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước	3.454.335.000	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	35.583.021.633	45.872.713.909
Tổng	46.555.202.633	54.390.559.909

5.3. Trả trước cho người bán

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	-	1.520.008.500
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Vận Tải Bảo An	-	1.134.651.959
Các đối tượng khác	7.794.270.181	8.893.547.199
Tổng	7.794.270.181	11.548.207.658

5.4. Phải thu khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	36.650.153.458	-	35.648.128.032	-
Phải thu người lao động	4.400.992.345	-	4.451.405.345	-
Tạm ứng	28.844.620.505	-	29.251.416.815	-
Các đối tượng khác	3.404.540.608	-	1.945.305.872	-
Dài hạn	100.000.000	-	100.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	100.000.000	-	100.000.000	-
Tổng	36.750.153.458	-	35.748.128.032	-

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	293.397.917	-	300.191.262	-
Công cụ, dụng cụ	123.975.940	-	158.132.454	-
Chi phí SX KDDD	49.599.306.191	-	58.754.974.787	-
Hàng hóa	-	-	3.192.407.998	-
Tổng	50.016.680.048	-	62.405.706.501	-

5.6. Chi phí trả trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	1.475.981.692	1.820.546.838
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	1.475.981.692	1.820.546.838
Dài hạn	5.904.790.454	6.559.163.132
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	5.904.790.454	6.236.249.851
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	322.913.281
Tổng	7.380.772.146	8.379.709.970

CÔNG TY CỔ PHẦN KHIÃO SẮT VÀ XÂY DỰNG - USCO
Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2022	35.357.413.074	16.182.066.150	9.133.471.596	323.485.455	60.996.436.275
Tăng trong năm	-	71.000.000	-	-	71.000.000
Mua trong năm	-	71.000.000	-	-	71.000.000
Số dư tại 31/12/2022	35.357.413.074	16.253.066.150	9.133.471.596	323.485.455	61.067.436.275
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2022	26.331.429.511	14.565.918.651	8.777.606.181	323.485.455	49.998.439.798
Tăng trong năm	840.104.889	215.170.346	72.240.826	-	1.127.516.061
Khấu hao trong năm	840.104.889	215.170.346	72.240.826	-	1.127.516.061
Số dư tại 31/12/2022	27.171.534.400	14.781.088.997	8.849.847.007	323.485.455	51.125.955.859
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2022	9.025.983.563	1.616.147.499	355.865.415	-	10.997.996.477
Tại 31/12/2022	8.185.878.674	1.471.977.153	283.624.589	-	9.941.480.416

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn sử dụng tại thời điểm 31/12/2022 là 24.171.080.533 đồng, (tại ngày 01/01/2022 là 23.770.135.923 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản đem đi thế chấp khoản vay Ngân hàng tại thời điểm 31/12/2022 là nhà làm việc tại số 91 Phùng Hưng với giá trị là 1.933.563.016 đồng, (tại ngày 01/01/2022 là 2.171.629.248 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYỄN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2022	1.056.384.800	1.056.384.800
Số dư tại 31/12/2022	1.056.384.800	1.056.384.800
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2022	-	-
Số dư tại 31/12/2022	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2022	1.056.384.800	1.056.384.800
Tại 31/12/2022	1.056.384.800	1.056.384.800

Tài sản cố định vô hình của Công ty với trị giá 1.056.384.800 đồng là Quyền sử dụng đất lâu dài của Lô A89, tờ Bản đồ số 00 tại địa chỉ: Khu phố mới Tân Thạnh, phường Tân Thạnh, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam và Số 187 Lê Thánh Tôn, phường 3, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

5.9. Các khoản Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2022 (VND)			01/01/2022 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết	20.000.000.000		-	20.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Đầu tư - phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân	20.000.000.000		-	20.000.000.000		-
Đầu tư dài hạn khác	375.000.000		-	375.000.000		-
Công ty CP Bất động sản Lilama Land	375.000.000		-	375.000.000		-
Tổng	20.375.000.000	(*)	-	20.375.000.000	(*)	-

(*) Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Xí nghiệp sản xuất cao su nhựa - KDTM Phương Viên	276.432.000	276.432.000	476.432.000	476.432.000
Công ty TNHH Bê tông và Xây dựng Minh Đức	2.982.607.200	2.982.607.200	-	-
Công ty cổ phần cơ khí xây dựng AMECC	1.449.300.000	1.449.300.000	1.449.300.000	1.449.300.000
Các đối tượng khác	21.918.019.110	21.918.019.110	17.294.489.873	17.294.489.873
Tổng	26.626.358.310	26.626.358.310	19.220.221.873	19.220.221.873

5.11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CP xi măng Sông Lam	3.536.668.000	3.536.668.000
Công ty URS Federal Services International, Inc - Văn phòng đại diện tại Việt Nam	-	24.673.059.530
Các đối tượng khác	34.595.507.387	33.313.072.800
Tổng	38.132.175.387	61.522.800.330

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.12. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2022 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	31/12/2022 (VND)
Phải nộp	3.330.833.464	5.771.460.712	5.751.068.263	3.351.225.913
Thuế giá trị gia tăng	1.845.363.133	2.006.891.235	2.651.404.189	1.200.850.179
Thuế thu nhập doanh nghiệp	421.866.742	716.921.448	505.255.635	633.532.555
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành</i>	<i>421.866.742</i>	<i>633.532.555</i>	<i>421.866.742</i>	<i>633.532.555</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 (truy thu)</i>	-	83.388.893	83.388.893	-
Thuế thu nhập cá nhân	44.201.069	223.913.181	208.406.822	59.707.428
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.008.507.195	2.684.628.540	2.247.767.924	1.445.367.811
Thuế Môn bài	-	14.000.000	14.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.895.325	125.106.308	124.233.693	11.767.940
Phải thu	49.173.239	74.959.462	169.776.544	143.990.321
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	6.000.000	6.000.000	105.022.764	105.022.764
Thuế thu nhập cá nhân	17.010.498	39.942.450	33.280.000	10.348.048
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	26.162.741	29.017.012	31.473.780	28.619.509

Thuế TNDN truy thu theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước niên độ kế toán năm 2020 theo Biên bản kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

C.T.C.P.
HÀ NỘI

KI
CP.
C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.13. Chi phí phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	12.890.802.815	9.086.307.966
Chi phí trích trước giá thành công trình	12.890.802.815	9.086.307.966
Tổng	12.890.802.815	9.086.307.966

5.14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	46.469.231.156	46.200.493.869
Kinh phí công đoàn	753.188.775	567.637.843
Bảo hiểm xã hội	2.966.172.566	2.791.477.483
Bảo hiểm y tế	145.005.704	151.922.363
Bảo hiểm thất nghiệp	76.841.239	66.290.939
Phải trả, phải nộp khác	42.528.022.872	42.623.165.241
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và xây dựng Tư kỷ</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
<i>Phải trả Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam</i>	<i>3.569.834.308</i>	<i>2.434.024.308</i>
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>900.607.279</i>	<i>759.360.199</i>
<i>Phải trả chi phí khoản công trình cho các Đội, Trung tâm và phải trả khác</i>	<i>33.057.581.285</i>	<i>34.429.780.734</i>
Tổng	46.469.231.156	46.200.493.869
Trong đó:		
<i>Phải trả bên liên quan trình bày tại thuyết minh (7.1)</i>	<i>3.569.834.308</i>	<i>2.434.024.308</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG - USCO
Số 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2022 (VND)		Phát sinh trong năm		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	9.553.775.156	9.553.775.156	5.812.184.218	9.267.029.182	13.008.620.120	13.008.620.120
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội (1)	2.288.642.947	2.288.642.947	4.832.184.218	8.632.529.182	6.088.987.911	6.088.987.911
Các đối tượng khác (2)	7.265.132.209	7.265.132.209	980.000.000	634.500.000	6.919.632.209	6.919.632.209
<i>Vay có lãi suất</i>	<i>1.978.240.200</i>	<i>1.978.240.200</i>	<i>980.000.000</i>	<i>634.500.000</i>	<i>1.632.740.200</i>	<i>1.632.740.200</i>
<i>Vay không lãi suất</i>	<i>5.286.892.009</i>	<i>5.286.892.009</i>	-	-	<i>5.286.892.009</i>	<i>5.286.892.009</i>
Vay dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn VIDECON (3)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	29.553.775.156	29.553.775.156	5.812.184.218	9.267.029.182	33.008.620.120	33.008.620.120

Trong đó:

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng số 011121/TPB ngày 01 tháng 11 năm 2021; thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất vay linh động theo từng lần nhận nợ; mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh;
Tài sản đảm bảo là Quyền và tài sản trên đất 91 Phùng Hưng, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- (2) Khoản vay không có lãi suất với số tiền 5.286.892.009 đồng là khoản Quyết toán quỹ lương trước thời điểm Cổ phần hóa, Cán bộ Công nhân viên cho Công ty tạm thời vay lại để hoạt động sản xuất kinh doanh, không có lãi suất và tài sản đảm bảo, khoản vay này được Công ty thanh toán dần cho Cán bộ công nhân viên. Một số khoản vay cá nhân khác số tiền 1.632.740.200 đồng, thời hạn vay 12 tháng và không có tài sản đảm bảo, lãi suất từ 8,4% đến 8,6%/năm.
- (3) Hợp đồng vay số 104/VIDECON-USCO ngày 18/12/2017, số tiền vay 20.000.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay trên 12 tháng, mục đích vay mua 2.000.000 cổ phần của Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà số 5 Lạc Long Quân; Phụ lục gia hạn hợp đồng vay dài hạn đến 18/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16. Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2021	55.000.000.000	1.979.507.497	2.437.131.255	59.416.638.752
Tăng trong năm	-	-	2.323.262.908	2.323.262.908
Lãi trong năm trước	-	-	2.323.262.908	2.323.262.908
Giảm trong năm	-	-	(2.437.131.255)	(2.437.131.255)
Phân phối lợi nhuận	-	-	(413.131.255)	(413.131.255)
Chia cổ tức	-	-	(2.024.000.000)	(2.024.000.000)
Số dư tại 31/12/2021	55.000.000.000	1.979.507.497	2.323.262.908	59.302.770.405
Số dư tại 01/01/2022	55.000.000.000	1.979.507.497	2.323.262.908	59.302.770.405
Tăng trong năm	-	-	2.117.268.186	2.117.268.186
Lãi trong năm nay	-	-	2.117.268.186	2.117.268.186
Giảm trong năm	-	-	(2.323.262.908)	(2.323.262.908)
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(398.262.908)	(398.262.908)
Chia cổ tức (i)	-	-	(1.925.000.000)	(1.925.000.000)
Số dư tại 31/12/2022	55.000.000.000	1.979.507.497	2.117.268.186	59.096.775.683

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 14/2022/NQ-DHDCD ngày 20/4/2022 của Đại hội đồng Cổ đông:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 17% lợi nhuận sau thuế, tương đương 398.262.908 đồng.
- Chia cổ tức năm 2021 bằng 83% lợi nhuận sau thuế, tương đương 1.925.000.000 đồng (350 VND/cổ phiếu).

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam	31.766.000.000	31.766.000.000
- Công ty Cổ phần		
Vốn góp của đối tượng khác	23.234.000.000	23.234.000.000
Tổng	55.000.000.000	55.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	55.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	55.000.000.000	55.000.000.000
Cổ tức đã chia	1.925.000.000	2.024.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.979.507.497	1.979.507.497
Quỹ Khen thưởng phúc lợi	473.083.322	610.690.005

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu khảo sát, thí nghiệm và dịch vụ khác	78.368.491.306	68.661.026.435
Doanh thu hoạt động xây lắp	72.804.306.082	72.237.534.600
Tổng	151.172.797.388	140.898.561.035

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn khảo sát, thí nghiệm và dịch vụ khác	63.612.106.636	55.275.077.723
Giá vốn hoạt động xây lắp	66.942.215.422	68.800.522.366
Tổng	130.554.322.058	124.075.600.089

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.913.144	40.640.500
Tổng	3.913.144	40.640.500

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền vay	436.138.494	242.817.669
Tổng	436.138.494	242.817.669

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	17.075.511.766	13.681.272.469
Chi phí nhân viên quản lý	5.611.301.632	4.931.499.022
Chi phí vật liệu quản lý	982.529.746	1.196.293.729
Chi phí đồ dùng văn phòng	20.298.242	4.476.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	716.627.421	707.372.077
Thuế phí và lệ phí	1.158.572.548	153.412.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.196.052.023	2.252.110.430
Chi phí bằng tiền khác	5.390.130.154	4.436.108.336
Tổng	17.075.511.766	13.681.272.469

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Thu nhập cho thuê địa điểm kinh doanh	3.609.087.078	526.009.407
Thu nhập khác	14.697.002	42.824.045
Tổng	3.623.784.080	568.833.452
Chi phí khác		
Các khoản phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế	278.750.286	126.782.808
Lãi chậm nộp BHXH	157.236.505	167.401.785
Phạt vi phạm hành chính	6.500.000	413.482.135
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	738.593	-
Chi phí thuê nhà, địa điểm kinh doanh	3.538.177.987	-
Chi phí khác	2.318.182	55.548.382
Tổng	3.983.721.553	763.215.110
Thu nhập khác thuần/chi phí khác (thuần)	(359.937.473)	(194.381.658)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.750.800.741	2.745.129.650
Các khoản tăng thu nhập chịu thuế	416.862.035	268.204.220
Chi phí không được trừ	416.862.035	268.204.220
Thu nhập tính thuế	3.167.662.776	3.013.333.870
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	633.532.555	602.666.774
- Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị Định 92/2021 hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 406/2021/NQ-UBTVQH15	-	(180.800.032)
Tổng Thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	633.532.555	421.866.742

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.117.268.186	2.323.262.908
Điều chỉnh giảm do trích quỹ KTPL	-	398.262.908
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.117.268.186	1.925.000.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	384,96	350,00

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(*) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2021 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 14/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày lại như sau:

	Số đã trình bày trên Báo cáo Năm trước	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	2.323.262.908	2.323.262.908	-
Điều chỉnh giảm do trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	398.262.908	398.262.908
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.323.262.908	1.925.000.000	(398.262.908)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	422,41	350,00	72,41

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.083.453.777	41.275.491.102
Chi phí nhân công	34.065.831.428	41.485.915.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.127.516.061	1.710.157.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.579.941.818	70.543.585.929
Chi phí khác bằng tiền	16.471.603.106	19.747.384.280
Tổng	138.328.346.190	174.762.534.327

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

	Mối quan hệ	Chi tiết giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng quản trị				
Ông Vũ Văn Định	Chủ tịch	Lương và Thù lao	324.000.000	324.000.000
Ông Nguyễn Lâm Cường	Thành viên	Thù lao	-	22.000.000
Ông Trần Mạnh Long	Thành viên	Thù lao	24.000.000	2.000.000
Bà Trần Linh Trang	Thành viên	Thù lao	24.000.000	24.000.000
Ban Kiểm soát				
Ông Lương Ngọc Sang	Trưởng ban	Lương và Thù lao	276.000.000	276.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Thúy	Thành viên	Thù lao	18.000.000	18.000.000
Bà Lê Thị Chuyên	Thành viên	Thù lao	12.000.000	12.000.000
Ban Giám đốc				
Ông Nguyễn Trọng Thoáng	TVHĐQT, Tổng Giám đốc	Lương và Thù lao	312.000.000	312.000.000
Ông Trần Ngọc Sang	TVHĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Lương và Thù lao	276.000.000	276.000.000
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Lương và Thù lao	276.000.000	276.000.000
Kế toán trưởng				
Bà Vũ Thị Thanh Huyền	Kế toán trưởng	Lương	276.000.000	276.000.000
Tổng			1.818.000.000	1.818.000.000

Các giao dịch khác với bên liên quan

	Mối quan hệ	Chi tiết giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Tiền cổ tức	1.111.810.000	1.168.988.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Số dư với Các bên liên quan khác

Các khoản phải trả	Mối quan hệ	Chi tiết giao dịch	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
Phải trả khác			3.569.834.308	2.434.024.308
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Lợi nhuận phải trả	1.717.035.508	1.717.035.508
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần		Cổ tức phải trả	1.780.798.800	668.988.800
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty Mẹ	Phải trả khác	72.000.000	48.000.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.



Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023
Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Triệu Thị Giang

Vũ Thị Thanh Huyền

Nguyễn Trọng Thoáng